

196. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống theo giá hiện hành phân theo thành phần kinh tế và theo
Turnover of accommodation, food and beverage services at current prices by types of ownership and by

	2010	2015	2016	2017	Sơ bộ Prel. 2018
	Tỷ đồng - Bill. dong				
TỔNG SỐ - TOTAL	1.453,8	3.442,8	3.659,5	3.955,8	4.512,2
Phân theo thành phần kinh tế - By types of ownership					
Nhà nước - State	-	-	-	-	-
Ngoài Nhà nước - Non-state	1.453,8	3.442,8	3.659,5	3.955,8	4.512,2
Tập thể - Collective					
Tư nhân - Private	28,9	115,0	125,9	142,8	187,9
Cá thể - Household	1.424,9	3.327,8	3.533,6	3.813,0	4.324,4
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài - Foreign Invested Sector	-	-	-	-	-
Phân theo loại hình kinh tế - By types of economy					
Dịch vụ lưu trú - Accommodation service	31,1	115,0	136,4	163,3	210,1
Dịch vụ ăn uống - Food and beverage services	1.422,7	3.327,8	3.523,1	3.792,5	4.302,1
	Cơ cấu - Structure (%)				
TỔNG SỐ - TOTAL	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Phân theo thành phần kinh tế - By types of ownership					
Nhà nước - State	-	-	-	-	-
Ngoài Nhà nước - Non-state	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Tập thể - Collective					
Tư nhân - Private	1,99	3,34	3,44	3,61	4,16
Cá thể - Household	98,01	96,66	96,56	96,39	95,84
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài - Foreign Invested Sector	-	-	-	-	-
Phân theo loại hình kinh tế - By types of economy					
Dịch vụ lưu trú - Accommodation service	2,14	3,34	3,73	4,13	4,66
Dịch vụ ăn uống - Food and beverage services	97,86	96,66	96,27	95,87	95,34